



Match Results

As of SAT 12 OCT 2019 at 17:24

Match: 45 Vietnam 2 vs 0 People's Republic of

REFEREES: 1st Period: 23-16
2nd Period: 26-15

VIE - Vietnam

Headcoach:

Team timeouts: 2

No.	Name	Total				Goals/Shots						Punishments			
		Points	Goals	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m	SUS	D	DR
1	NGUYEN THANH Huyen	2	1	1	100						1/1				
3	LU NGOC Trinh	21	11	13	85	1/1		8/8	2/4						
4	DAM THI THANH Huyen	12	6	6	100				2/2			4/4			
6	PHAM THI MY Hang	12	6	6	100			6/6							
7	HA THI Hanh	2	1	1	100					1/1					
8	NGUYEN THI PHUNG Linh														
9	NGUYEN THI KIM Thu												1		
10	NGUYEN DANG THI Huong														
15	PHAN VAN Anh														
18	NGUYEN THI TRA My												1		
Totals		49	25	27	93	1/1		14/14	4/6	1/1	1/1	4/4	2		

No.	Goalkeeper	Total			Saves/Shots						
		Saves	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m
1	NGUYEN THANH Huyen	3	20	15	0/1	0/1	3/14		0/1		0/4
Totals		3	20	15	0/1	0/1	3/14		0/1		0/4

CHN - People's Republic of China

Headcoach:

Team timeouts: 1

No.	Name	Total				Goals/Shots						Punishments			
		Points	Goals	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m	SUS	D	DR
1	AN Xin			2				0/2							
9	WEI Xianji	0		2											
11	HAN Hongyan														
20	GUO Qiuyue	8	4	4	100			4/4							
21	HAN Xinru	8	4	4	100			4/4							
25	DU Jijuan	9	5	7	71	1/1	1/1	1/2				3/4	1		
30	LIU Yuhan												1		
31	LIU Zhiyue	4	2	2	100			2/2							
33	SHEN Ping	2	1	1	100					1/1					
35	LI Wenyue														
Totals		31	16	20	80	1/1	1/1	11/14		1/1		3/4	2		

No.	Goalkeeper	Total			Saves/Shots						
		Saves	Shots	%	1-Pt-All	1-Pt-Spin	Spin	In-flight	Specialist	Direct Goal	P6m
1	AN Xin		21		0/1		0/9	0/6	0/1	0/1	0/3
30	LIU Yuhan		4				0/3				0/1
33	SHEN Ping		2				0/2				
Totals			27		0/1		0/14	0/6	0/1	0/1	0/4

Team Comparison	1st Period				2nd Period			
	Vietnam		People's Republic of China		Vietnam		People's Republic of China	
	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%	Goals/Shots	%
In-flight Shots	0/1		4/5	80				
Spin Shots	8/8	100	7/8	88	6/6	100	4/6	67
Specialist Shots					1/1	100	1/1	100
1-Point Shots	1/1	100					1/1	100
Direct Goal Shots					1/1	100		
6-meter Shots	3/3	100	1/1	100	1/1	100	2/3	67
1-Point Spin Shots							1/1	100

Legend:
 % Efficiency 1-Pt 1-Point-Shots 1-Pt Spin 1-Point-Spinshots D Disqualifications DR Disqualifications with report No. Uniform Number
 P6m 6m Penalty Shots Spin Spinshots SUS Suspension





Match Results

As of SAT 12 OCT 2019 at 17:24

Match: 45
Vietnam 2 vs 0 People's Republic of
REFEREES:
1st Period: 23-16
2nd Period: 26-15

VIE - Vietnam

No	Name	Technical Skills					Turnovers
		Assists	Steals	Blocked Shots	Received 6m Fouls	Penalty Fouls	
1	NGUYEN THANH Huyen						1
3	LU NGOC Trinh				3		1
4	DAM THI THANH Huyen						
6	PHAM THI MY Hang						
7	HA THI Hanh	4			1		3
8	NGUYEN THI PHUNG Linh						
9	NGUYEN THI KIM Thu		1			1	1
10	NGUYEN DANG THI Huong						
15	PHAN VAN Anh						
18	NGUYEN THI TRA My					3	
Team							6
Totals		4	1		4	4	6

CHN - People's Republic of China

No	Name	Technical Skills					Turnovers
		Assists	Steals	Blocked Shots	Received 6m Fouls	Penalty Fouls	
1	AN Xin						
9	WEI Xianji	1			1		2
11	HAN Hongyan						
20	GUO Qiyuyue						2
21	HAN Xinru				1		1
25	DU Jijuan	2			1		1
30	LIU Yuhan		1			3	
31	LIU Zhiyue				1		3
33	SHEN Ping	1					1
35	LI Wenyue					1	1
Team							11
Totals		4	1		4	4	11

Running Score
VIE-CHN

1st Period	
LU NGOC T	2 : 0
DAM THI THANH H	2 : 2
PHAM THI MY H	4 : 2
DAM THI THANH H	4 : 4
LU NGOC T	6 : 4
DAM THI THANH H	8 : 4
LU NGOC T	8 : 6
DAM THI THANH H	10 : 6
PHAM THI MY H	10 : 8
DAM THI THANH H	10 : 10
LU NGOC T	12 : 10
DAM THI THANH H	12 : 12
LU NGOC T	14 : 12
DAM THI THANH H	16 : 12
LU NGOC T	18 : 12
DAM THI THANH H	19 : 12
LU NGOC T	19 : 14
DAM THI THANH H	21 : 14
LU NGOC T	21 : 16
DAM THI THANH H	23 : 16

2nd Period	
DAM THI THANH H	0 : 2
DAM THI THANH H	2 : 2
HA THI H	4 : 2
PHAM THI MY H	6 : 2
DAM THI THANH H	8 : 2
PHAM THI MY H	8 : 3
DAM THI THANH H	10 : 3
LU NGOC T	10 : 5
PHAM THI MY H	12 : 5
DAM THI THANH H	14 : 5
LU NGOC T	14 : 7
DAM THI THANH H	16 : 7
LU NGOC T	16 : 9
PHAM THI MY H	18 : 9
LU NGOC T	20 : 9
PHAM THI MY H	20 : 11
LU NGOC T	22 : 11
PHAM THI MY H	22 : 13
LU NGOC T	22 : 15
PHAM THI MY H	24 : 15
LU NGOC T	26 : 15

Legend:

% Efficiency **1-Pt** 1-Point-Shots **1-Pt Spin** 1-Point-Spinshots **D** Disqualifications **DR** Disqualifications with report **No.** Uniform Number
P6m 6m Penalty Shots **Spin** Spinshots **SUS** Suspension